

KẾ HOẠCH
Triển khai Kiến tập sư phạm
năm học 2026 - 2027, trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy

Thực hiện Kế hoạch đào tạo năm học 2026 - 2027, Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng triển khai kế hoạch Kiến tập sư phạm (KTSP) cho sinh viên khóa tuyển sinh 2023, trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy như sau:

1. Đối tượng, thời gian

a) **Đối tượng:** Sinh viên khóa tuyển sinh 2023 thuộc khối ngành Sư phạm (SP) gồm: SP Toán học, SP Tin học, SP Vật lý, SP Hóa học, SP Khoa học Tự nhiên, SP Sinh học, SP Ngữ văn, SP Lịch sử, SP Lịch sử và Địa lý, SP Địa lý, SP Âm nhạc, SP Tin học Công nghệ Tiểu học, Giáo dục (GD) Công dân; GD Chính trị; GD Tiểu học, GD Mầm non, GD Thể chất.

b) **Thời gian:** 3 tuần, từ ngày 14/9/2026 đến ngày 04/10/2026.

c) Phương thức tổ chức, nội dung kiến tập sư phạm

Phương thức tổ chức, nội dung kiến tập thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1816/QĐ-ĐHSP ngày 30/8/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng về việc ban hành Quy định Kiến tập sư phạm và Thực tập sư phạm trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy.

2. Số lượng sinh viên dự kiến phân bổ tại các Cơ sở kiến tập (CSKT)

- a) Khối Trung học phổ thông (THPT): Phụ lục 01
b) Khối Trung học cơ sở (THCS): Phụ lục 02
c) Khối Tiểu học (TH): Phụ lục 03
d) Khối Mầm non (MN): Phụ lục 04
đ) Ngành Giáo dục chính trị: Phụ lục 05
e) Phân bổ Trưởng ban đại diện, Trưởng nhóm chuyên môn: Phụ lục 06
(Phụ lục kèm theo)

3. Kế hoạch thực hiện

STT	Thời gian	Nội dung thực hiện
1	26/8/2026 đến 03/9/2026	Khoa quản lý ngành thực hiện các nội dung: - Tổ chức cho SV đăng ký CSKT theo bảng phân bổ ở Phụ lục kèm theo (danh sách sinh viên Khoa xuất từ hệ thống); - Cử SV làm Trưởng Ban đại diện (TBĐD), Trưởng nhóm chuyên môn (TNCM) (Phụ lục 06); - Gửi phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng bản cứng danh sách SV đã phân công CSKT, phân công vai trò (TBĐD,



STT	Thời gian	Nội dung thực hiện
		TNCM) có ký xác nhận của Thủ trưởng đơn vị: trước ngày 04/9/2026. Nội dung bản cứng phải trùng khớp với dữ liệu trên hệ thống quản lý đào tạo; * Tất cả dữ liệu phải được cập nhật lên hệ thống quản lý đào tạo (qlht.ued.udn.vn).
2	07/9/2026 đến 08/9/2026	Nhà trường ban hành Quyết định thành lập các đoàn SV KTSP và Ban đại diện sinh viên phụ trách đoàn KTSP.
3	09/9/2026	Trưởng Ban đại diện SV nhận hồ sơ kiến tập tại Phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng (Phòng 201 - Nhà A2).
4	14/9/2026 đến 04/10/2026	SV kiến tập tại CSKT.
5	05/10/2026 đến ngày 09/10/2026	- Trưởng ban đại diện SV nộp hồ sơ KTSP về Phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng tạo gồm: + Mẫu 07: Kết quả bài thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục (BTH01); Mẫu 09: Phiếu đánh giá BTH01 + Mẫu 13: Phiếu đánh giá Kiến tập giảng dạy; Mẫu 15: Kết quả bài thu hoạch kiến tập giảng dạy (BTH02); + Mẫu 18: Phiếu đánh giá Kiến tập chủ nhiệm; Mẫu 20: Kết quả bài thu hoạch kiến tập chủ nhiệm (BTH03); + Mẫu 10: Kết quả KTSP. - Trưởng nhóm chuyên môn nộp hồ sơ KTSP về Khoa quản lý ngành gồm: + Mẫu của CSKT: Kế hoạch bài dạy; + Mẫu của CSKT: Kế hoạch chủ nhiệm; + Mẫu 01: Báo cáo thu hoạch tìm hiểu thực tế giáo dục (BTH01); + Mẫu 03: Báo cáo thu hoạch kiến tập giảng dạy (BTH02); + Mẫu 05: Báo cáo thu hoạch kiến tập chủ nhiệm (BTH03); + Mẫu 02: Phiếu dự giờ giảng dạy; + Mẫu 04: Phiếu dự giờ chủ nhiệm.



4. Tổ chức thực hiện

a) Sinh viên:

- Sinh viên liên hệ khoa quản lý ngành để được phân công bố trí CSKT theo bảng phân bổ ở Phụ lục kèm theo;
- Tất cả sinh viên nghiên cứu kỹ Quy định, biểu mẫu Kiến tập sư phạm và Thực tập sư phạm trước khi đi kiến tập, thực tập tại địa chỉ: <https://daotao.ued.udn.vn/quy-dinh-kiem-tap-su-pham-va-thuc-tap-su-pham/>;
- Sinh viên được cử làm Trưởng Ban đại diện đến Phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng Trường Đại học Sư phạm nhận hồ sơ KTSP ngày 09/9/2026;
- Sinh viên KTSP tại CSKT theo đúng thời gian ở mục 1;
- Truy cập xem Kế hoạch, Quyết định cử đi KTSP tại địa chỉ <https://daotao.ued.udn.vn> (Đại học chính quy/Kiến tập-Thực tập sư phạm).

b) Khoa chuyên môn:

- Thông báo cho sinh viên Kế hoạch triển khai KTSP;
- Tổ chức cho SV đăng ký CSKT, giới thiệu sinh viên làm Trưởng ban đại diện và Trưởng nhóm chuyên môn theo Phụ lục 6;
- Chịu trách nhiệm về dữ liệu SV đăng ký CSKT.

c) Phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng:

- Lập Kế hoạch triển khai KTSP và thông báo cho các bên liên quan được biết để thực hiện.
- Ban hành Quyết định cử sinh viên đi kiến tập.
- Phối hợp với khoa chuyên môn theo dõi, quản lý sinh viên trong suốt quá trình triển khai kiến tập.
- Cung cấp hồ sơ để Phòng Kế hoạch - Tài chính tiến hành các thủ tục thanh toán theo quy định.

d) Phòng Tổ chức - Hành chính: Phối hợp cùng Phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng hoàn tất các thủ tục hành chính phục vụ cho công tác KTSP và chuẩn bị các công tác liên quan.

đ) Phòng Kế hoạch - Tài chính: phối hợp với Phòng Đào tạo và Bảo đảm chất lượng lập dự trù kinh phí, thanh toán, bàn giao kinh phí cho các CSKT.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Kiến tập sư phạm năm học 2026 - 2027, trình độ đại học, hình thức đào tạo chính quy. Kính đề nghị Thủ trưởng các đơn vị liên quan và sinh viên nghiêm túc thực hiện. / *phai*

Nơi nhận:

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng (để biết);
- Thủ trưởng các đơn vị (để triển khai);
- Lưu: VT, ĐT-BĐCL.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



phai

TS. Phan Đức Tuấn

ĐÀO TẠO
NG



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 01: KHÔI TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Kế hoạch số 1445 /KH-ĐHSP ngày 25 tháng 8 năm 2026
của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	Trường THPT	Số lượng sinh viên thuộc ngành đào tạo									Tổng số
		SP Toán học	SP Tin học	SP Vật lý	SP Hóa học	SP Sinh học	SP Ngữ văn	SP Lịch sử	SP Địa lý	GD Thể chất	
1	Trường THPT Phan Châu Trinh, Đà Nẵng	4	2	2	3	2	4	3	4	3	27
2	Trường THPT Nguyễn Trãi, Đà Nẵng	3	-	2	-	2	4	2	3	3	19
3	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền, Đà Nẵng	3	-	2	2	2	4	-	3	3	19
4	Trường THPT Thái Phiên, Đà Nẵng	4	2	2	-	2	4	2	3	3	22
5	Trường THPT Thanh Khê, Đà Nẵng	3	-	2	2	2	4	-	3	3	19
6	Trường THPT Hòa Vang, Đà Nẵng	3	2	2	-	-	4	2	3	3	19
7	Trường THPT Cẩm Lệ, Đà Nẵng	3	-	2	-	2	4	2	-	3	16
8	Trường THPT Hoàng Hoa Thám, Đà Nẵng	3	2	-	-	2	4	2	4	3	20
9	Trường THPT Nguyễn Hiền, Đà Nẵng	3	-	2	-	2	4	-	3	3	17
10	Trường THPT Liên Chiểu, Đà Nẵng	4	2	-	2	2	4	2	-	3	19
11	Trường THPT Tôn Thất Tùng, Đà Nẵng	3	-	2	-	2	4	-	-	3	14
12	Trường THPT Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	3	-	2	2	2	3	2	3	2	19
13	Trường THPT Trần Phú, Đà Nẵng	3	2	2	-	2	4	2	3	2	20
14	Trường THPT Võ Chí Công, Đà Nẵng	3	-	2	2	-	4	2	-	2	15
15	Trường THPT Ngô Quyền, Đà Nẵng	3	-	2	2	-	4	2	3	2	18
16	Trường THPT Sơn Trà, Đà Nẵng	3	-	-	2	2	4	-	3	2	16
17	Trường THPT Phan Thành Tài, Đà Nẵng	3	2	-	-	2	4	-	2	3	16
18	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến, Đà Nẵng	3	-	-	2	2	4	2	3	2	18

TT	Trường THPT	Số lượng sinh viên thuộc ngành đào tạo									Tổng số
		SP Toán học	SP Tin học	SP Vật lý	SP Hóa học	SP Sinh học	SP Ngữ văn	SP Lịch sử	SP Địa lý	GD Thể chất	
19	Trường TH, THCS và THPT FPT Đà Nẵng	3	4	2	-	-	3	-	-	3	15
20	Trường TH, THCS và THPT Việt Nhật	-	-	-	-	-	3	-	-	-	3
Tổng		60	18	28	19	30	77	25	43	51	351

Lưu ý: Các CSTT trên đều thuộc khu vực Đà Nẵng (trước 01/7/2025)





ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 02: KHÔI TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Kế hoạch số 1445/KH-ĐHSP ngày 25 tháng 8 năm 2026
của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	Trường THCS (sau sáp nhập)	Cơ sở triển khai	Số lượng sinh viên thuộc ngành đào tạo							Tổng số	Ghi chú
			SP Toán học	SP Tin học	SP Ngữ văn	SP Lịch sử và Địa lý	GD Công dân	SP Âm nhạc	SP Khoa học tự nhiên		
1	Trường THCS Tây Sơn, Hòa Cường, Đà Nẵng		3	2	2	7	3	3	8	28	
2	Trường THCS Trung Vương, Hải Châu, Đà Nẵng		3	2	2	7	2	3	8	27	
3	Trường THCS Nguyễn Huệ, Hải Châu, Đà Nẵng		3	-	2	7	3	3	8	26	
4	Trường THCS Kim Đồng, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường THCS Kim Đồng (cũ)	3	-	2	7	2	3	7	24	
5	Trường THCS Nguyễn Lương Bằng, Liên Chiểu, Đà Nẵng	Trường THCS Nguyễn Lương Bằng (cũ)	3	2	2	7	2	3	7	26	
6	Trường THCS Lương Thế Vinh, Hòa Khánh, Đà Nẵng	Trường THCS Lương Thế Vinh (cũ)	3	2	2	7	2	3	8	27	
		Trường THCS Ngô Thì Nhậm (cũ)	3	2	2	7	2	3	8	27	
7	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm, Hòa Khánh, Đà Nẵng	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm (cũ)	3	2	2	7	2	3	7	26	



TT	Trường THCS (sau sáp nhập)	Cơ sở triển khai	Số lượng sinh viên thuộc ngành đào tạo							Tổng số	Ghi chú
			SP Toán học	SP Tin học	SP Ngữ văn	SP Lịch sử và Địa lý	GD Công dân	SP Âm nhạc	SP Khoa học tự nhiên		
8	Trường THCS Đỗ Đăng Tuyển, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường THCS Nguyễn Chơn (cũ)	3	2	2	7	2	3	7	26	
9	Trường THCS Chu Văn An, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường THCS Chu Văn An (cũ)	3	2	2	6	2	3	8	26	
10	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, Thanh Khê, Đà Nẵng		3	-	2	6	3	3	8	25	
11	Trường THCS Nguyễn Trãi Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường THCS Hoàng Diệu (cũ)	3	-	2	6	3	3	7	24	
12	Trường THCS Phan Đình Phùng, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường THCS Phan Đình Phùng (cũ)	3	-	2	6	3	3	7	24	
13	Trường TH, THCS và THPT FPT Đà Nẵng		3	-	4	5	-	4	12	28	
14	Trường TH, THCS và THPT Sky-line		4	-	4	5	-	2	10	25	
15	Trường TH, THCS và THPT Việt Nhật		-	-	3	-	-	-	-	3	
16	Trường TH, THCS và THPT Anh Quốc		4	-	4	3	-	3	-	14	
Tổng			50	16	41	100	31	48	120	406	



Handwritten signature



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 03: KHỐI TIỂU HỌC

(Kèm theo Kế hoạch số 1445/KH-ĐHSP ngày 25 tháng 8 năm 2026
của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	Trường Tiểu học (sau sáp nhập)	Cơ sở triển khai	Số lượng sinh viên thuộc ngành đào tạo			Tổng số	Ghi chú
			GD Tiểu học	SP Âm nhạc	SP Tin học Công nghệ TH		
1	Trường Tiểu học Trung Nữ Vương, Hải Vân, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Trung Nữ Vương (cũ)	18	-	3	21	
2	Trường Tiểu học Ngô Sĩ Liên, Liên Chiểu, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Ngô Sĩ Liên (cũ)	18	2	3	23	
3	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, Hòa Khánh, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (cũ)	18	-	3	21	
4	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân, Hòa Khánh, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Hồng Quang (cũ)	18	-	3	21	
5	Trường Tiểu học Duy Tân, Hòa Khánh, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu (cũ)	18	-	3	21	
6	Trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Huệ, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Huệ (cũ)	18	2	3	23	
7	Trường Tiểu học Trần Cao Vân, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Trần Cao Vân (cũ)	18	2	3	23	
8	Trường Tiểu học Hoa Lư, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Hoa Lư (cũ)	18	-	3	21	
9	Trường Tiểu học Dũng Sĩ Thanh Khê, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Dũng Sĩ Thanh Khê (cũ)	14	-	2	16	
		Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh (cũ)	16	-	-	16	
		Trường Tiểu học Lê Văn Tám (cũ)	14	2	-	16	



TT	Trường Tiểu học (sau sáp nhập)	Cơ sở triển khai	Số lượng sinh viên thuộc ngành đào tạo			Tổng số	Ghi chú
			GD Tiểu học	SP Âm nhạc	SP Tin học Công nghệ TH		
10	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn, An Khê, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn (cũ)	18	-	3	21	
11	Trường Tiểu học Phù Đồng, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Phù Đồng (cũ)	18	-	3	21	
12	Trường Tiểu học Tây Hồ, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Tây Hồ (cũ)	18	-	3	21	
13	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng (cũ)	18	-	3	21	
14	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh, Hòa Cường, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh (cũ)	17	-	3	20	
15	Trường Tiểu học Núi Thành, Hòa Cường, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Núi Thành (cũ)	17	-	3	20	
16	Trường Tiểu học Lê Lai, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Lê Lai (cũ)	17	-	3	20	
17	Trường Tiểu học Nguyễn Duy Trinh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Nguyễn Duy Trinh (cũ)	17	-	3	20	
18	Trường Tiểu học Mai Đăng Chon, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Lê Văn Hiến (cũ)	17	-	3	20	
19	The St. Nicholas School, Đà Nẵng		10	-	-	10	
20	Trường TH, THCS và THPT FPT Đà Nẵng		28	4	3	35	
21	Trường TH, THCS và THPT Sky-line		15	-	3	18	
22	Trường TH, THCS và THPT Việt Nhật		-	3	-	3	
23	Trường TH, THCS và THPT Anh Quốc		10	-	-	10	
Tổng			408	15	59	482	



do



ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 04: KHỐI MẦM NON

(Kèm theo Kế hoạch số 1445/KH-ĐHSP ngày 25 tháng 8 năm 2026
của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	Trường Mầm non (sau sáp nhập)	Cơ sở triển khai	Số lượng sinh viên	Ghi chú
1	Trường Mầm non Hoa Ban, Hòa Cường, Đà Nẵng	Trường Mầm non Hoa Ban (cũ)	15	
2	Trường Mầm non Tuổi Thơ, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Mầm non 20-10 (cũ)	15	
		Trường Mầm non Tuổi Thơ (cũ)	15	
3	Trường Mầm non 19-5, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Mầm non 19-5 (cũ)	20	
		Trường Mầm non Tiên Sa (cũ)	15	
4	Trường Mầm non Bình Minh, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Mầm non Bình Minh (cũ)	15	
		Trường Mầm non Măng Non (cũ)	15	
5	Trường Mầm non Ngọc Lan, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Mầm non Ngọc Lan (cũ)	20	
6	Trường Mầm non Cẩm Nhung, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường Mầm non Cẩm Nhung (cũ)	15	
7	Trường Mầm non Mẫu Đơn, Thanh Khê, Đà Nẵng		15	
8	Trường Mầm non Tuổi Thơ, Hòa Khánh, Đà Nẵng	Trường Mầm non Tuổi Thơ (cũ)	15	
		Trường Mầm non Tuổi Ngọc (cũ)	15	
Tổng			190	



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC 05: NGÀNH GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ

(Kèm theo Kế hoạch số 1445 /KH-ĐHSP ngày 25 tháng 8 năm 2026
của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

TT	Tên Cơ sở kiến tập	Số lượng sinh viên	Ghi chú
1	Trường Cao đẳng Thương mại. Địa chỉ: 45 Dũng Sĩ Thanh Khê, Thanh Khê, Đà Nẵng	6	
2	Trung tâm FPT Polytechnic Đà Nẵng Địa chỉ: Số 137 Nguyễn Thị Thập, Thanh Khê, Đà Nẵng	6	
3	Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm Địa chỉ: 101B Lê Hữu Trác, An Hải, Đà Nẵng	6	
Tổng		18	



TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHỤ LỤC 06: PHÂN BỐ TRƯỞNG BAN ĐẠI DIỆN,
TRƯỞNG NHÓM CHUYÊN MÔN SINH VIÊN TẠI CƠ SỞ KIẾN TẬP**

(Kèm theo Kế hoạch số 1445 /KH-ĐHSP ngày 24 tháng 8 năm 2026
của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)

STT	Trường (sau sáp nhập)	Cơ sở triển khai	Trưởng BDD phân bổ về ngành	Trưởng nhóm chuyên môn
1	Trường Mầm non Hoa Ban, Hòa Cường, Đà Nẵng	Trường Mầm non Hoa Ban (cũ)	Giáo dục Mầm non	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
2	Trường Mầm non Tuổi Thơ, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Mầm non 20-10 (cũ)	Giáo dục Mầm non	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
		Trường Mầm non Tuổi Thơ (cũ)	Giáo dục Mầm non	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
3	Trường Mầm non 19-5, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Mầm non 19-5 (cũ)	Giáo dục Mầm non	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
		Trường Mầm non Tiên Sa (cũ)	Giáo dục Mầm non	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
4	Trường Mầm non Bình Minh + Măng Non, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Mầm non Bình Minh (cũ)	Giáo dục Mầm non	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
		Trường Mầm non Măng Non (cũ)	Giáo dục Mầm non	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
5	Trường Mầm non Ngọc Lan, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Mầm non Ngọc Lan (cũ)	Giáo dục Mầm non	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
6	Trường Mầm non Cẩm Nhung, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường Mầm non Cẩm Nhung (cũ)	Giáo dục Mầm non	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
7	Trường Mầm non Mẫu Đơn, Thanh Khê, Đà Nẵng		Giáo dục Mầm non	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
8	Trường Mầm non Tuổi Thơ, Hòa Khánh, Đà Nẵng	Trường Mầm non Tuổi Thơ (cũ)	Giáo dục Mầm non	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
		Trường Mầm non Tuổi Ngọc (cũ)	Giáo dục Mầm non	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
9	Trường Tiểu học Trung Nữ Vương, Hải Vân, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Trung Nữ Vương (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm

STT	Trường (sau sáp nhập)	Cơ sở triển khai	Trường BDD phân bổ về ngành	Trường nhóm chuyên môn
10	Trường Tiểu học Ngô Sĩ Liên, Liên Chiểu, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Ngô Sĩ Liên (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
11	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi, Hòa Khánh, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
12	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân, Hòa Khánh, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Hồng Quang (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
13	Trường Tiểu học Duy Tân, Hòa Khánh, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Võ Thị Sáu (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
14	Trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Huệ, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Huỳnh Ngọc Huệ (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
15	Trường Tiểu học Trần Cao Vân, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Trần Cao Vân (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
16	Trường Tiểu học Hoa Lư, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Hoa Lư (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
17	Trường Tiểu học Dũng Sĩ Thanh Khê, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Dũng Sĩ Thanh Khê (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
		Trường Tiểu học Nguyễn Đức Cảnh (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
		Trường Tiểu học Lê Văn Tám (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
18	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn, An Khê, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Bế Văn Đàn (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
19	Trường Tiểu học Phù Đổng, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Phù Đổng (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
20	Trường Tiểu học Tây Hồ, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Tây Hồ (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
21	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Lý Tự Trọng (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
22	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh, Hòa Cường, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Lê Đình Chinh (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
23	Trường Tiểu học Núi Thành, Hòa Cường, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Núi Thành (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
24	Trường Tiểu học Lê Lai, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Lê Lai (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm

STT	Trường (sau sáp nhập)	Cơ sở triển khai	Trường BDD phân bổ về ngành	Trường nhóm chuyên môn
25	Trường Tiểu học Nguyễn Duy Trinh, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Nguyễn Duy Trinh (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
26	Trường Tiểu học Mai Đăng Chon, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	Trường Tiểu học Lê Văn Hiến (cũ)	Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
27	Trường TH, THCS và THPT St. Nicholas School, Đà Nẵng (Tiểu học)		Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
28	Trường TH, THCS và THPT FPT Đà Nẵng (Tiểu học)		Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
29	Trường TH, THCS và THPT Sky-line (Tiểu học)		Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
30	Trường TH, THCS và THPT Việt Nhật (Tiểu học)		Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
31	Trường TH, THCS và THPT Anh Quốc (Tiểu học)		Giáo dục Tiểu học	Tối đa 05 giáo sinh/1 nhóm
32	Trường THCS Tây Sơn, Hòa Cường, Đà Nẵng		Sư phạm Toán học	Mỗi ngành 01 Trường nhóm chuyên môn
33	Trường THCS Trưng Vương, Hải Châu, Đà Nẵng		Sư phạm Toán học	Mỗi ngành 01 Trường nhóm chuyên môn
34	Trường THCS Nguyễn Huệ, Hải Châu, Đà Nẵng		Sư phạm Khoa học Tự nhiên	Mỗi ngành 01 Trường nhóm chuyên môn
35	Trường THCS Kim Đồng, Hải Châu, Đà Nẵng	Trường THCS Kim Đồng (cũ)	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	Mỗi ngành 01 Trường nhóm chuyên môn
36	Trường THCS Nguyễn Lương Bằng, Liên Chiểu, Đà Nẵng	Trường THCS Nguyễn Lương Bằng (cũ)	Sư phạm Khoa học Tự nhiên	Mỗi ngành 01 Trường nhóm chuyên môn
37	Trường THCS Lương Thế Vinh, Hòa Khánh, Đà Nẵng	Trường THCS Lương Thế Vinh (cũ)	Sư phạm Tin học	Mỗi ngành 01 Trường nhóm chuyên môn
		Trường THCS Ngô Thị Nhậm (cũ)	Sư phạm Tin học	Mỗi ngành 01 Trường nhóm chuyên môn
38	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm, Hòa Khánh, Đà Nẵng	Trường THCS Nguyễn Bình Khiêm (cũ)	Sư phạm Ngữ văn	Mỗi ngành 01 Trường nhóm chuyên môn
39	Trường THCS Đỗ Đăng Tuyển, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường THCS Nguyễn Chon (cũ)	Sư phạm Ngữ văn	Mỗi ngành 01 Trường nhóm chuyên môn

STT	Trường (sau sáp nhập)	Cơ sở triển khai	Trưởng BDD phân bổ về ngành	Trưởng nhóm chuyên môn
40	Trường THCS Chu Văn An, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường THCS Chu Văn An (cũ)	Sư phạm Ngữ văn	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
41	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng, Thanh Khê, Đà Nẵng		Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
42	Trường THCS Nguyễn Trãi Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường THCS Hoàng Diệu (cũ)	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
43	Trường THCS Phan Đình Phùng, Thanh Khê, Đà Nẵng	Trường THCS Phan Đình Phùng (cũ)	Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
44	Trường TH, THCS và THPT FPT Đà Nẵng (THCS)		Sư phạm Lịch sử - Địa lý	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
45	Trường TH, THCS và THPT Sky-line (THCS)		Sư phạm Khoa học Tự nhiên	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
46	Trường TH, THCS và THPT Việt Nhật (THCS)		Sư phạm Ngữ văn	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
47	Trường TH, THCS và THPT Anh Quốc (THCS)		Sư phạm Toán học	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
48	Trường THPT Phan Châu Trinh, Đà Nẵng		Sư phạm Toán học	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
49	Trường THPT Nguyễn Trãi, Đà Nẵng		Sư phạm Toán học	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
50	Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền, Đà Nẵng		Sư phạm Vật lý	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
51	Trường THPT Thái Phiên, Đà Nẵng		Sư phạm Tin học	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
52	Trường THPT Thanh Khê, Đà Nẵng		Sư phạm Vật lý	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
53	Trường THPT Hòa Vang, Đà Nẵng		Sư phạm Tin học	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
54	Trường THPT Cẩm Lệ, Đà Nẵng		Sư phạm Vật lý	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
55	Trường THPT Hoàng Hoa Thám, Đà Nẵng		Sư phạm Sinh học	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn

STT	Trường (sau sáp nhập)	Cơ sở triển khai	Trưởng BDD phân bổ về ngành	Trưởng nhóm chuyên môn
56	Trường THPT Nguyễn Hiền, Đà Nẵng		Sư phạm Sinh học	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
57	Trường THPT Liên Chiểu, Đà Nẵng		Sư phạm Sinh học	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
58	Trường THPT Tôn Thất Tùng, Đà Nẵng		Sư phạm Ngữ văn	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
59	Trường THPT Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng		Sư phạm Lịch sử	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
60	Trường THPT Trần Phú, Đà Nẵng		Sư phạm Lịch sử	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
61	Trường THPT Võ Chí Công, Đà Nẵng		Sư phạm Hóa học	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
62	Trường THPT Ngô Quyền, Đà Nẵng		Sư phạm Hóa học	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
63	Trường THPT Sơn Trà, Đà Nẵng		Sư phạm Địa lý	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
64	Trường THPT Phan Thành Tài, Đà Nẵng		Sư phạm Địa lý	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
65	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến, Đà Nẵng		Sư phạm Lịch sử	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
66	Trường TH, THCS và THPT FPT Đà Nẵng (THPT)		Sư phạm Ngữ văn	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
67	Trường TH, THCS và THPT Việt Nhật (THPT)		Sư phạm Ngữ văn	Mỗi ngành 01 Trưởng nhóm chuyên môn
68	Trường Cao đẳng Thương mại		Giáo dục Chính trị	Tối đa 10 giáo sinh/1 nhóm
69	Trung tâm FPT Polytechnic Đà Nẵng		Giáo dục Chính trị	Tối đa 10 giáo sinh/1 nhóm
70	Trường Cao đẳng Lương thực - Thực phẩm		Giáo dục Chính trị	Tối đa 10 giáo sinh/1 nhóm

Ấn định danh sách có 70 sinh viên./

